

## **0.a. Goal**

Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

## **0.b. Target**

Mục tiêu 12.4: Đến năm 2020, đạt quản lý tốt vòng đời của các loại hóa chất và chất thải theo các cam kết quốc tế đã ký kết, nhằm giảm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và tác động có hại đến sức khỏe con người và môi trường (mục tiêu 12.4 toàn cầu)

## **0.c. Indicator**

Chỉ tiêu 12.4.3. **Tỷ lệ khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo**

## **0.e. Metadata update**

tháng 6/2021

## **1.a. Organisation**

Bộ Tài nguyên và Môi trường

## **1.f. Contact mail**

Số 10 Tôn Thất Thuyết - Hà Nội

## **1.g. Contact email**

portal@monre.gov.vn

## **2.a. Definition and concepts**

Khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu là khu vực được phát hiện có một hoặc nhiều chất gây ô nhiễm tồn lưu vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường, ảnh hưởng xấu đến con người, môi trường và hệ sinh thái.

Khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xác định trong quy định này bao gồm các khu vực đất bị ô nhiễm do hóa chất bảo vệ thực vật, chất độc hóa học do chiến tranh; bãi chôn lấp không hợp vệ sinh đã ngừng hoạt động hoặc đóng cửa.

**Tỷ lệ khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo** là tỷ lệ phần trăm giữa các khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo trên tổng số các khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được phát hiện.

## ***2.c. Classifications***

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

## ***3.a. Data sources***

Chế độ báo cáo thống kê do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành.

## ***3.b. Data collection method***

Chỉ tiêu được tổng hợp từ biểu số 0411/BTNMT, chế độ báo cáo thống kê do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành

## ***3.d. Data release calendar***

Năm.

## ***3.e. Data providers***

Bộ Tài nguyên và Môi trường

## ***3.f. Data compilers***

Bộ Tài nguyên và Môi trường

## ***4.a. Rationale***

Chỉ tiêu phản ánh tình hình xử lý **khuvực đất bị ô nhiễm**, là cơ sở để đánh giá công tác bảo vệ môi trường.

## ***4.b. Comment and limitations***

Ô nhiễm môi trường đất ở Việt Nam có xu hướng gia tăng do ô nhiễm từ hóa chất bảo vệ thực vật, phân bón, chất thải công nghiệp và sinh hoạt từ các bãi chôn lấp đang ngày càng mở rộng diện tích và các nguồn nước thải chưa được xử lý triệt để. Theo Danh mục điểm tồn lưu hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng, nếu như năm 2016 toàn quốc có 240 điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại 15 tỉnh, thành phố thì đến năm 2018, con số này đã lên tới 335 điểm. Tính đến cuối năm 2018, chỉ có 23% (77/335) điểm tồn lưu được xử lý hoàn toàn. Đến năm 2019, các vùng đất bị ô nhiễm chất độc, tồn dư DiÔ-Xin đã cơ bản được xử lý, cụ thể ở sân bay Phù Cát (khoảng 1,5 ha) và sân bay Đà Nẵng (32,4 ha).

## ***4.c. Method of computation***

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo (\%)} = \frac{\text{Tổng khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được xử lý, cải tạo}}{\text{Tổng số khu vực đất bị ô nhiễm tồn lưu được phát hiện}} \times 100$$

## 5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn cho năm 2010 và 2018

## 6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu này phản ánh các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam (mục tiêu 12.4). Bộ chỉ tiêu phát triển bền vững toàn cầu không có chỉ tiêu này

## 7. References and Documentation

- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- Thông tư số 20/2018/TT-BTNMT ngày 08 tháng 11 năm 2018 quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Tài nguyên môi trường
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>